

TOÀ ÁN NHÂN DÂN
TỈNH NAM ĐỊNH

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 38/2022/HS-ST

Ngày: 06-6-2022

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN TỈNH NAM ĐỊNH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Bạch Tuyết

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Trần Văn Khiêm

Bà Trần Thị Hồng

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thảo - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Nam Định.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Nam Định tham gia phiên tòa: Bà Đặng Thanh Nga - Kiểm sát viên.

Ngày 06 tháng 6 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Nam Định xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 28/2022/TLST-HS ngày 26 tháng 4 năm 2022 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 27/2022/QĐXXST- HS ngày 23 tháng 5 năm 2022 đối với các bị cáo:

1. Họ và tên: Nguyễn Duy C; tên gọi khác: Không; sinh năm 1980; nơi sinh: Xã B, huyện H, tỉnh Thái Bình; nơi ĐKKHKT: Thôn Tân Hưng, xã Y, huyện Y, tỉnh Nam Định; nơi cư trú: Thôn Tân Trung, xã Y, huyện Y, tỉnh Nam Định; giới tính: Nam; quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Không; trình độ học vấn: 9/12; nghề nghiệp: Tự do; con ông Nguyễn Duy C1, sinh năm 1955 và bà Nguyễn Thị N (đã chết); gia đình có 03 anh em, bị cáo là con thứ hai; có vợ là Phạm Thị Ph, có 03 con, con lớn nhất sinh năm 2004, 02 con nhỏ cùng sinh năm 2011; tiền án, tiền sự: Ngày 03-02-2016 Tòa án nhân dân huyện Ý Yên, tỉnh Nam Định xử phạt 15 tháng tù về tội “Tổ chức đánh bạc” và “Đánh bạc”, chấp hành án xong ngày 10-02-2021. Bị cáo bị bắt tạm giữ từ ngày 02-01-2022, sau đó chuyển tạm giam, hiện đang bị tạm giam tại Trại tạm giam - Công an tỉnh Nam Định.

2. Họ và tên: Phạm Thị Ph; tên gọi khác: Không; sinh năm 1985; nơi sinh và ĐKKHKT: Thôn Tân Hưng, xã Y, huyện Y, tỉnh Nam Định; nơi cư trú: Thôn Tân

Trung, xã Y, huyện Y , tỉnh Nam Định; giới tính: Nữ; quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Không; trình độ học vấn: 9/12; nghề nghiệp: Tự do; con ông Phạm Văn Ng, sinh năm 1963 và bà Đinh Thị Nh, sinh năm 1962; gia đình có 03 chị em, bị cáo là con thứ nhất; có chồng là Nguyễn Duy C, có 03 con, con lớn nhất sinh năm 2004, 02 con nhỏ cùng sinh năm 2011; tiền án, tiền sự: Không. Bị cáo bị bắt tạm giữ từ ngày 02-01-2022, sau đó chuyển tạm giam đến ngày 19-01-2022 được thay đổi biện pháp ngăn chặn sang “Bảo lĩnh”.

- *Những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

1. Ông Phạm Ngọc C1; sinh năm 1962; trú tại: Thôn Tân Hưng, xã Y, huyện Y , tỉnh Nam Định.

2. Anh Phạm Văn Ph; sinh năm 1996; trú tại: Xóm Bắc Sơn, thôn Thượng Đồng, xã Y, huyện Y , tỉnh Nam Định.

3. Anh Phạm Văn H; sinh năm 1991; trú tại: Thôn Cát Đằng, xã Y, huyện Y , tỉnh Nam Định.

4. Anh Lã Anh L; sinh năm 1988; trú tại: Thôn Văn Hưng, xã Y, huyện Y , tỉnh Nam Định.

5. Chị Trương Thị D; sinh năm 1979; trú tại: Thôn Tân Trung, xã Y, huyện Y , tỉnh Nam Định.

6. Anh Đỗ Xuân D1; sinh năm 1988; trú tại: Xóm Hoa Lư, xã Y, huyện Y , tỉnh Nam Định.

7. Anh Nguyễn Văn Th; sinh năm 1978; trú tại: Thôn Tân Trung, xã Y, huyện Y , tỉnh Nam Định.

8. Anh Đỗ Xuân Tr; sinh năm 1987; trú tại: Xóm Hoa Lư, xã Y, huyện Y , tỉnh Nam Định.

9. Anh Đinh Hữu Tr1; sinh năm 1991; trú tại: Xóm Hùng Vương, xã Y, huyện Y , tỉnh Nam Định.

10. Anh Phạm Phú Th1; sinh năm 1986; trú tại: Thôn Thượng Đồng, xã Y, huyện Y , tỉnh Nam Định.

11. Anh Phạm Mạnh D2; sinh năm 1980; trú tại: Thôn Thượng Đồng, xã Y, huyện Y , tỉnh Nam Định.

12. Anh Lã Đình C2; sinh năm 1980; trú tại: Xóm Đông Hưng, thôn Thượng Đồng, xã Y, huyện Y , tỉnh Nam Định.

13. Anh Phạm Đình T; sinh năm 1992; trú tại: Xóm Trung Thụ, thôn Thượng Đông, xã Y, huyện Y, tỉnh Nam Định.

14. Anh Lê Xuân H1; sinh năm 1984; trú tại: Thôn Hoa Lư, xã Y, huyện Y, tỉnh Nam Định.

15. Anh Phạm Công Tr2; sinh năm 1985; trú tại: Thôn Hoa Lư, xã Y, huyện Y, tỉnh Nam Định.

- *Người làm chứng:*

1. Anh Phạm Công V
2. Anh Trần Hồng Q
3. Anh Phạm Đình Đ
4. Anh Phạm Công Q
5. Anh Trần Minh Th2
6. Anh Trần Mạnh L
7. Anh Đình Duy T1.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Do thấy nhiều người có nhu cầu vay tiền không thể chấp, cần giải ngân nhanh tại địa bàn huyện Ý Yên nên Nguyễn Duy C và vợ là Phạm Thị Ph nảy sinh ý định sử dụng tiền tiết kiệm của gia đình để cho khách có nhu cầu vay tiền với lãi suất cao, từ 3.000đ đến 5.000đ/1triệu/1 ngày để kiếm lời. Khi khách có nhu cầu vay tiền đến gặp trực tiếp C hoặc Ph tại nhà ở thôn Tân Hưng, xã Y, huyện Y làm thủ tục vay, thỏa thuận tiền vay, tiền lãi, thời hạn vay tiền. Về thủ tục vay tiền, hầu hết những người C và Ph cho vay đều là những người cùng địa phương và có quen biết nên C và Ph không yêu cầu khách đặt cọc bất cứ tài sản hay giấy tờ gì. Sau khi thỏa thuận tiền vay, tiền lãi, thời hạn vay tiền, C và Ph giao nhận với khách đều bằng tiền mặt. Để quản lý việc cho vay của mình, C và Ph ghi chép lại các khoản vay vào 01 quyển sổ có bìa màu đỏ. Khi có khách vay tiền Ph ghi lại các thông tin gồm tên người vay, số tiền vay, thời gian vay, đã trả các khoản vay nào, còn nợ bao nhiêu.

Kết quả điều tra xác định: 15 người khai đã vay của C, Ph tổng số tiền 1.364.000.000 đồng với mức lãi suất 3.000 đồng/1 triệu/ngày (108%/năm) đến 5.000 đồng/1 triệu/ngày (180%/năm) và đã thu tổng số tiền lãi là 391.890.000 đồng, trong

đó chiếm hưởng bất chính 329.586.000 đồng trong khoảng thời gian từ tháng 11-2018 đến tháng 12-2020, cụ thể:

- Trường hợp 1: Ông Phạm Ngọc C1, sinh năm 1962, trú tại thôn Tân Hưng, xã Y, huyện Y, tỉnh Nam Định

Ngày 19-7-2021, ông C1 vay của C và Ph số tiền 300.000.000 đồng với lãi suất 3.000 đồng/1 triệu/1 ngày, đóng lãi 01 tháng/lần. Khoản tiền này ông C1 đã trả 100.000.000 đồng tiền gốc và tiền lãi của 4 tháng 12 ngày là 118.000.000 đồng. Số tiền C, Ph chiếm hưởng bất hợp pháp lần cho vay này là: $118.000.000 - 22.000.000 = 96.000.000$ đồng. Số tiền gốc 200.000.000 đồng còn lại, ông C1 đã trả xong.

Ngày 01-11-2019 ông C1 vay 180.000.000 đồng với lãi suất là 3.000đ/1 triệu/1 ngày. Ngày 1-12-2019, ông C1 trả tiền gốc và 16.200.000 đồng tiền lãi. Số tiền C, Ph chiếm hưởng bất hợp pháp lần cho vay này là: $16.200.000 - 3.000.000 = 13.200.000$ đồng.

Ngày 06-02-2020 ông C1 vay của C và Ph là 150.000.000 đồng với lãi suất 3.000đ/1 triệu/1 ngày. Sau 01 tháng, ông C1 trả tiền gốc và 13.500.000 đồng tiền lãi. Số tiền C, Ph chiếm hưởng bất hợp pháp lần cho vay này là: $13.500.000 - 2.500.000 = 11.000.000$ đồng.

Ngày 16-5-2020 ông C1 vay 200.000.000 đồng không lấy lãi do vay ngắn ngày, khoản vay này ông C1 đã trả hết.

Ngày 17-8-2020 ông C1 vay 350.000.000 đồng với lãi suất 3.000đ/1 triệu/1 ngày. ông C1 vay trong 3 ngày thì trả hết tiền vay gốc và 3.150.000 đồng tiền lãi. Số tiền C, Ph chiếm hưởng bất hợp pháp lần cho vay này là: $3.150.000 - 584.000 = 2.566.000$ đồng.

Như vậy, tổng số tiền chiếm hưởng bất hợp pháp khi cho ông C1 vay là 122.766.000 đồng.

- Trường hợp 2: Anh Phạm Văn Ph, sinh năm: 1996, trú tại: Xóm Bắc Sơn, thôn Thượng Đồng, xã Y, huyện Y, tỉnh Nam Định:

Ngày 05-01-2019, anh Ph thỏa thuận vay của C số tiền 5.000.000 đồng với lãi suất là 5.000 đồng/01 triệu/01 ngày và Ph đưa tiền cho anh Ph vay không yêu cầu viết giấy vay tiền hay để lại đồ vật, tài sản gì, thỏa thuận cứ 01 tháng trả lãi 750.000 đồng. Ngày 05-5-2019, anh Ph đã trả 3.000.000 đồng tiền lãi của 04 tháng và vay thêm 5.000.000 đồng với lãi suất vay là 5.000 đồng/01 triệu/01 ngày. Nhưng do không có tiền nên anh Ph xin C dừng trả lãi để trả dần tiền vay gốc là 10.000.000

đồng, đến nay đã trả hết tiền vay. Như vậy, số tiền lãi C và Ph chiếm hưởng bất hợp pháp khi cho anh Ph vay là: 3.000.000 đồng - 334.000 đồng = 2.666.000 đồng.

- Trường hợp 3: Anh Phạm Văn H, sinh năm 1991, trú tại: Thôn Cát Đằng, xã Y, huyện Y, tỉnh Nam Định:

Ngày 08-01-2020, anh H vay của C, Ph số tiền 10.000.000 đồng với lãi suất thỏa thuận là 3.000 đồng/01 triệu/01 ngày. Sau 10 ngày, anh H trả tiền gốc và 300.000 đồng tiền lãi vay trong 10 ngày. Số tiền chiếm hưởng bất hợp pháp đối với trường hợp này là: 300.000 - 56.000 = 244.000 đồng.

Ngày 17-01-2020, anh H tiếp tục vay C, Ph số tiền 20.000.000 đồng với lãi suất là 3.000 đồng/01 triệu/01 ngày, cứ 01 tháng trả lãi 1.800.000 đồng. Đến tháng 8-2021, anh H trả tiền gốc và 12.600.000 đồng tiền lãi của 07 tháng. Số tiền C, Ph chiếm hưởng bất hợp pháp đối với trường hợp này là: 12.600.000 đồng - 2.344.000 đồng = 10.266.000 đồng.

Tổng số tiền C, Ph đã chiếm hưởng bất hợp pháp khi cho anh H vay là 10.510.000 đồng.

- Trường hợp 4: Anh Lã Anh L, sinh năm 1988, trú tại: Thôn Văn Hưng, xã Y, huyện Y, tỉnh Nam Định.

Tháng 10-2019, anh L vay của C, Ph số tiền 5.000.000 đồng, không tính lãi suất vì là chỗ quen biết. Ngày 05-10-2019, anh L vay của C, Ph số tiền 20.000.000 đồng với lãi suất 5.000 đồng/01 triệu/01 ngày. anh L đã trả 3.000.000 đồng tiền lãi vay của 01 tháng. Số tiền chiếm hưởng bất hợp pháp đối với trường hợp này là: 3.000.000 đồng - 334.000 đồng = 2.666.000 đồng.

Ngày 04-12-2019, anh L tiếp tục vay thêm số tiền 30.000.000 đồng cũng với lãi suất thỏa thuận là 5.000 đồng/01 triệu/01 ngày. Khoản vay này, anh L cũng chậm trả lãi cho C, Ph. Đến ngày 21-01-2020, anh L mang số tiền 25.000.000 đồng đến nhà C, Ph để trả và C, Ph đã thống nhất với anh L: Khoản tiền 05 triệu đồng vay từ trước sẽ tính lãi 5.000 đồng/01 triệu/01 ngày từ ngày 05-11-2019. Đồng thời, tiền lãi vay chậm trả của cả ba khoản vay trên sẽ cộng vào tiền gốc. Theo đó, khoản tiền vay 05 triệu đồng anh L chậm trả lãi 02 tháng 16 ngày (76 ngày) là 1.900.000 đồng, khoản tiền 20 triệu đồng anh L chậm trả lãi 02 tháng 16 ngày (76 ngày) là 7.600.000 đồng và khoản tiền 30 triệu đồng chậm trả lãi 01 tháng 17 ngày (47 ngày) là 7.050.000 đồng. Tổng số tiền lãi của cả ba khoản chậm trả là 16.550.000 đồng cộng với 55.000.000 đồng tổng tiền gốc rồi trừ đi số tiền 25 triệu đồng anh L mang đến trả, còn nợ lại 46.500.000 đồng sẽ thành một khoản vay mới, thỏa thuận tiếp tục trả lãi với mức lãi là 4.000 đồng/01 triệu/01 ngày kể từ ngày

21-01-2020. Như vậy, số tiền chiếm hưởng bất hợp pháp đối với từng khoản chậm trả lãi nêu trên là: $1.900.000 - ((5.000.000:12:30 \times 20\%) \times 76) = 1.688.000$ đồng

$$7.600.000 - ((20.000.000:12:30 \times 20\%) \times 76) = 6.755.000 \text{ đồng}$$

$$7.050.000 - ((30.000.000:12:30 \times 20\%) \times 47) = 6.266.000 \text{ đồng}$$

Từ ngày 21-01-2020, anh L tiếp tục trả lãi đến 21-7-2020 (06 tháng) với tổng số tiền là 33.480.000 đồng, sau đó trả hết nợ gốc. Như vậy, số tiền chiếm hưởng bất hợp pháp đối với trường hợp này là:

$$33.480.000 - (6.500.000:12 \times 20\%) \times 6 = 28.830.000 \text{ đồng}$$

Tổng cộng, C và Ph đã chiếm hưởng bất hợp pháp khi cho anh L vay tiền là 46.185.000 đồng.

- Trường hợp 5: Chị Trương Thị D, sinh năm 1979, trú tại: Thôn Tân Trung, xã Y, huyện Y, tỉnh Nam Định.

Ngày 22-02-2020, chị D vay Ph 5.000.000 đồng với lãi suất 4.000 đồng/01 triệu/01 ngày. Sau 3 tháng, chị D trả hết tiền gốc và 1.800.000 đồng tiền lãi. Số tiền chiếm hưởng bất hợp pháp đối với trường hợp này là: $1.800.000 \text{ đồng} - 250.000 \text{ đồng} = 1.550.000 \text{ đồng}$.

Ngày 04-5-2020, chị D vay Ph 3.000.000 đồng với lãi suất 4.000 đồng/01 triệu/01 ngày. Sau 1 tháng, chị D trả hết tiền gốc và 360.000 đồng tiền lãi. Số tiền chiếm hưởng bất hợp pháp đối với trường hợp này là: $360.000 - 50.000 = 310.000$ đồng.

Tổng cộng, khi cho chị D vay tiền, Ph đã chiếm hưởng bất hợp pháp 1.860.000 đồng.

- Trường hợp 6: Anh Đỗ Xuân D1, sinh năm 1988, trú tại: Xóm Hoa Lư, xã Y, huyện Y, tỉnh Nam Định.

Ngày 28-7-2019, anh D1 vay số tiền 21.000.000 đồng với lãi suất 5.000 đồng/01 triệu/01 ngày. Sau 01 tháng anh D1 trả hết tiền gốc và 3.150.000 đồng tiền lãi. Số tiền chiếm hưởng bất hợp pháp đối với trường hợp này là:

$$3.150.000 - 350.000 = 2.800.000 \text{ đồng}$$

- Trường hợp thứ 7: Anh Nguyễn Văn Th, sinh năm 1978, trú tại: Thôn Tân Trung, xã Y, huyện Y, tỉnh Nam Định.

Ngày 26-8-2019, anh Th vay số tiền 15.000.000 đồng với lãi suất 3.000 đồng/01 triệu/01 ngày. Khoản tiền này anh Th đã trả đủ lãi vay của 10 tháng với tổng số tiền là 13.500.000 đồng thì xin dừng lãi để trả dần nợ gốc nhưng đến nay

còn nợ số tiền vay gốc 3.400.000 đồng. Số tiền chiếm hưởng bất hợp pháp đối với trường hợp này là:

$$13.500.000 - 2.500.000 = 11.000.000 \text{ đồng}$$

- Trường hợp thứ 8: Anh Đỗ Xuân Tr, sinh năm 1987, trú tại: Xóm Hoa Lư, xã Y, huyện Y, tỉnh Nam Định.

Ngày 23-11-2018, anh Tr vay số tiền 10.000.000 đồng với lãi suất 5.000 đồng/01 triệu/01 ngày. Anh Tr đã trả đủ lãi đến 23-12-2019 (13 tháng) với tổng số tiền là 19.500.000 đồng thì không trả lãi nữa, đến nay vẫn nợ tiền vay gốc. Số tiền chiếm hưởng bất hợp pháp đối với trường hợp này là:

$$19.500.000 - 2.167.000 = 17.333.000 \text{ đồng}$$

- Trường hợp thứ 9: Anh Đinh Hữu Tr1, sinh năm 1991, trú tại: Xóm Hùng Vương, xã Y, huyện Y, tỉnh Nam Định.

Ngày 10-8-2019, anh Tr1 vay C, Ph số tiền 50.000.000 đồng với lãi suất thỏa thuận là 10%/01 tháng (tương đương khoảng 3.300 đồng/01 triệu/01 ngày), trả lãi hàng tháng. Anh Tr1 trả đủ lãi 04 tháng vay là 20.000.000 và trả hết nợ gốc. Số tiền chiếm hưởng bất hợp pháp đối với trường hợp này là: $20.000.000 - 3.334.000 = 16.666.000$ đồng.

- Trường hợp thứ 10: Anh Phạm Phú Th1, sinh năm 1986, trú tại: Thôn Thượng Đồng, xã Y, huyện Y, tỉnh Nam Định.

Ngày 16-02-2020, anh Th1 vay Ph 3.000.000 đồng với lãi suất 500.000 đồng/01 tháng (tương đương khoảng 5.500 đồng/01 triệu/01 ngày). Anh Th1 đã trả đủ lãi của 03 tháng là 1.500.000 đồng và trả hết nợ gốc. Số tiền chiếm hưởng bất hợp pháp đối với trường hợp này là:

$$1.500.000 - 150.000 = 1.350.000 \text{ đồng.}$$

Ngày 04-8-2020, anh Th1 vay Ph 4.000.000 đồng với lãi suất 500.000 đồng/01 tháng (tương đương khoảng 4.000 đồng/01 triệu/01 ngày). Anh Th1 trả đủ lãi của 03 tháng là 1.500.000 đồng và trả hết nợ gốc. Số tiền chiếm hưởng bất hợp pháp đối với trường hợp này là:

$$1.500.000 - 200.000 = 1.300.000 \text{ đồng.}$$

Tổng cộng, khi cho anh Th1 vay tiền, Ph đã chiếm hưởng bất hợp pháp 2.650.000 đồng.

- Trường hợp 11: Anh Phạm Mạnh D2, sinh năm 1980, trú tại: Thôn Thượng Đồng, xã Y, huyện Y, tỉnh Nam Định.

Ngày 08-7-2019, anh D2 vay số tiền 2.000.000 đồng với lãi suất 5.000 đồng/01 triệu/01 ngày. Anh D2 đã trả đủ lãi của 23 tháng với tổng số tiền là 6.900.000 đồng thì dừng trả lãi, đến nay vẫn nợ tiền vay gốc. Số tiền chiếm hưởng bất hợp pháp đối với trường hợp này là:

$$6.900.000 - 767.000 = 6.133.000 \text{ đồng}$$

- Trường hợp 12: Anh Lã Đình C2, sinh năm 1980, trú tại: Xóm Đông Hưng, thôn Thượng Đồng, xã Y, huyện Y, tỉnh Nam Định.

Ngày 18-6-2019, anh C2 vay số tiền 20.000.000 đồng với lãi suất 5.000 đồng/01 triệu/01 ngày, trả lãi hàng tháng. Anh C2 đã trả đủ lãi của 06 tháng với tổng số tiền là 18.000.000 đồng và trả hết nợ gốc. Số tiền chiếm hưởng bất hợp pháp trong trường hợp này là:

$$18.000.000 - 2.000.000 = 16.000.000 \text{ đồng.}$$

- Trường hợp 13: Anh Phạm Đình T, sinh năm 1992, trú tại: Xóm Trung Thu, thôn Thượng Đồng, xã Y, huyện Y, tỉnh Nam Định.

Ngày 16-3-2020, anh T vay số tiền 2.000.000 đồng với lãi suất 3.000 đồng/01 triệu/01 ngày, thỏa thuận mỗi tháng trả lãi 200.000 đồng. Anh T đã trả đủ lãi 01 tháng là 200.000 đồng và trả hết nợ gốc. Số tiền chiếm hưởng bất hợp pháp trong trường hợp này là:

$$200.000 - 34.000 = 166.000 \text{ đồng.}$$

Ngày 18-12-2020, anh T vay số tiền 2.000.000 đồng với lãi suất 3.000 đồng/01 triệu/01 ngày, thỏa thuận mỗi tháng trả lãi 200.000 đồng. Anh T đã trả đủ lãi 01 tháng là 200.000 đồng và trả hết nợ gốc. Số tiền chiếm hưởng bất hợp pháp trong trường hợp này là:

$$200.000 - 34.000 = 166.000 \text{ đồng}$$

Ngày 28-11-2019 anh T vay số tiền 15.000.000 đồng với lãi suất là 5.000 đồng/01 triệu/01 ngày. Tối cùng ngày, anh T mang đến trả cho Ph 10.000.000 đồng tiền gốc, số tiền này không lấy lãi. Số tiền còn lại là 5.000.000 anh T vay với lãi suất 5.000 đồng/01 triệu/01 ngày, mỗi tháng trả lãi 750.000 đồng. Anh T đã trả đủ lãi 02 tháng là 1.500.000 đồng và trả hết nợ gốc. Số tiền chiếm hưởng bất hợp pháp trong trường hợp này là:

$$1.500.000 - 167.000 = 1.333.000 \text{ đồng.}$$

Tổng cộng, khi cho anh T vay tiền, Ph đã chiếm hưởng bất hợp pháp 1.665.000 đồng.

- Trường hợp 14: Anh Lê Xuân H1, sinh năm 1984, trú tại: Thôn Hoa Lư, xã Y, huyện Y, tỉnh Nam Định.

Ngày 21-8-2019 anh H1 vay số tiền 5.000.000 đồng với lãi suất là 5.000 đồng/01 triệu/01 ngày, mỗi tháng trả lãi 750.000 đồng. Ngày 21-01-2020 anh H1 vay thêm 2.000.000 với lãi suất là 5.000 đồng/01 triệu/01 ngày, mỗi tháng trả lãi 750.000 đồng. anh H1 đã trả tổng tiền lãi 9.000.000 đồng của 2 khoản vay đến ngày 21-6-2020 và đã trả toàn bộ tiền gốc. Số tiền chiếm hưởng bất hợp pháp là: $9.000.000 - ((5.000.000:12 \times 20\%) \times 10) - ((2.000.000:12 \times 20\%) \times 5) = 8.000.000$ đồng.

- Trường hợp thứ 15: Anh Phạm Công Tr2, sinh năm 1985, trú tại: Thôn Hoa Lư, xã Y, huyện Y, tỉnh Nam Định

Ngày 10-3-2019 anh Tr2 vay số tiền 50.000.000 đồng với lãi suất là 5.000 đồng/01 triệu/01 ngày, mỗi tháng trả lãi 7.500.000 đồng. Đến ngày 10-7-2019 anh Tr2 đã trả lãi 04 tháng là 30.000.000 đồng và xin ngừng trả lãi, tiền nợ gốc sẽ trả sau. Đến tháng 02-2021 anh Tr2 đã trả hết gốc cho Ph. Số tiền chiếm hưởng bất hợp pháp trong trường hợp này là:

$$30.000.000 - ((50.000.000:12 \times 20\%) \times 4) = 26.666.000 \text{ đồng}$$

Ngày 14-8-2019 anh Tr2 vay số tiền 100.000.000 đồng với lãi suất là 3.000 đồng/01 triệu/01 ngày, mỗi tháng trả lãi 9.000.000 đồng. Đến ngày 14-01-2020 anh Tr2 đã trả lãi 05 tháng là 45.000.000 đồng và xin ngừng trả lãi, tiền nợ gốc sẽ trả sau. Đến tháng 02-2021 anh Tr2 đã trả hết gốc 100.000.000 đồng cho Ph. Số tiền chiếm hưởng bất hợp pháp trong trường hợp này là:

$$45.000.000 - ((100.000.000:12 \times 20\%) \times 5) = 36.666.000 \text{ đồng}$$

Tổng cộng, khi cho anh Tr2 vay tiền, Ph đã chiếm hưởng bất hợp pháp 63.332.000 đồng.

Tại cơ quan điều tra (CQĐT), Nguyễn Duy C và Phạm Thị Ph thừa nhận hành vi phạm tội như nêu trên và khai nhận: Ngoài việc cho 15 người vay trên C và Ph còn cho anh Phạm Công V, sinh năm: 1979, trú tại: Xóm Hoa Lư, xã Y, huyện Y, tỉnh Nam Định vay 10.000.000 với lãi suất 3.000 đồng/01 triệu/01 ngày vào tháng 7-2016. Tháng 06-2017 anh V tiếp tục vay 5.000.000 đồng với lãi suất 3.000 đồng/01 triệu/01 ngày. Sau đó anh V trốn nợ đi khỏi địa phương. Đến năm 2019 anh V về gặp C xin không trả lãi của 02 khoản vay trên và trả cho C tiền gốc là 15.000.000 đồng, đến nay không còn nợ nần gì và cho 22 cá nhân vay tiền với mức lãi suất không quá 2.000 đồng/1 triệu/ ngày hoặc không lấy lãi.

Đồng thời, cho 51 cá nhân vay tiền với mức lãi suất 3.000 đồng/1 triệu/ngày đến 5.000 đồng/1 triệu/ngày hoặc dưới 3.000 đồng/triệu/ngày nhưng chỉ thu được một phần lãi hoặc không lấy lãi có trường hợp không nhớ thu được bao nhiêu lãi. Những cá nhân này hiện đã bỏ đi khỏi địa phương, không có thông tin nơi họ đang cư trú, một số trường hợp không có địa chỉ cụ thể, không có đủ thông tin để xác minh, chưa lấy được lời khai, nên CQĐT tách phần tài liệu liên quan đến việc cho 51 người vay này để tiếp tục xác minh, xử lý sau.

Quá trình vay nợ, do ông Phạm Ngọc C1 chậm trả, nên tối ngày 11-11-2021 C đến nhà Trần Hồng Q (sinh năm 1983, trú tại xóm Bắc Sơn, xã Y, huyện Y, tỉnh Nam Định) để uống rượu thì gặp anh Phạm Đình Đ (sinh năm 1973, trú tại thôn Thượng Đồng, xã Y, huyện Y, tỉnh Nam Định), Phạm Công Q1 (sinh năm 1990, trú tại thôn Bắc Sơn, xã Y, huyện Y, tỉnh Nam Định) và một số người bạn của Phạm Hồng Q, một lúc sau ăn uống xong thì Phạm Công Q1 đi về trước, sau đó C chở Đ bằng xe máy đi về, trên đường về C có bảo Đ đi với C có tí việc. Đ đồng ý đi cùng trên đường đi C và Đ gặp Q đang đi bộ về, Đ có nói với Q đi với chú có tí việc, Q đồng ý và đi cùng xe máy với C và Đ. Trên đường đi, nhóm C gặp Trần Minh Th2 (sinh năm 1993, trú tại tổ 8, thị trấn L, huyện Y, tỉnh Nam Định) và Trần Mạnh L (sinh năm 1990, trú tại tổ 6, thị trấn L, huyện Y, tỉnh Nam Định) đang đi chơi. C dừng xe lại bảo L và Th2 đi cùng C có tí việc, sau đó C dẫn cả nhóm đến nhà ông Phạm Ngọc C1 nhưng C không nói gì về việc đi đòi nợ. Khi đến nhà ông C1ường, C gọi cửa ông C1 không mở, nên nhóm của C đứng ngoài gọi, chửi bới, một lúc sau hàng xóm ra xem đông và ông Đình Duy T1 trưởng thôn Tân Hưng, xã Y, huyện Y, tỉnh Nam Định đến yêu cầu nhóm của C ra về. ông C1 có đơn trình báo sự việc.

Tại bản Kết luận giám định số 274/KL - KTSĐT ngày 15-02-2022 của Phòng Kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Nam Định thể hiện dữ liệu được khôi phục trên điện thoại di động nhãn hiệu VIVO thu giữ của C và điện thoại di động nhãn hiệu Iphone thu giữ của Ph có nội dung tin nhắn liên quan đến việc cho vay lãi nặng.

Tại bản Kết luận giám định số 347/KL - KTSĐT ngày 25-02-2022 của Phòng Kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Nam Định kết luận: Không trích xuất và phục hồi được dữ liệu liên quan đến hành vi “cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự” trong máy tính nhãn hiệu DELL thu giữ tại nhà C, Ph.

Tại bản Kết luận giám định số 208/KL - KTSĐT ngày 14-01-2022 của Phòng Kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Nam Định kết luận số vũ khí thu giữ tại nhà C, Ph gồm: 13 viên đạn cùng loại dài khoảng 6.4cm, hình trụ đường kính thân 2cm là loại đạn ghém cỡ 12 không phải vũ khí quân dụng, thuộc danh mục súng săn; 03 dao kim loại cùng loại

sáng màu dài 70 cm, phần lưỡi dao dài 58cm, bản rộng 4cm, phần cán bằng kim loại; 01 dao bằng kim loại sáng màu dài 55 cm, phần lưỡi dao dài 43cm, rộng 4cm, phần cán bằng kim loại; 01 dao bằng kim loại dài 60cm, phần lưỡi dao dài 37cm, đã han gỉ, bản rộng nhất 5.5cm gồm 01 đầu nhọn và 01 cạnh sắc, phần cán bằng gỗ, hình trụ đường kính 3.3cm không phải là vũ khí thô sơ, thuộc danh mục vũ khí có tính năng, tác dụng tương tự vũ khí thô sơ; 02 dao cùng loại dài 66cm, phần lưỡi dao dài 43cm, bằng kim loại đã han gỉ, bản rộng nhất 5.8cm gồm 01 đầu nhọn và 01 cạnh sắc, phần cán bằng gỗ, hình trụ đường kính 3.3cm; 01 dao bằng kim loại dài 51cm, phần lưỡi dao dài 31.5cm, bản rộng nhất 6.2cm gồm 01 đầu nhọn và 01 cạnh sắc bọc trong vỏ bằng gỗ KT(41x8)cm, phần cán bằng gỗ, hình trụ đường kính 2,9cm thuộc danh mục vũ khí thô sơ.

Bản cáo trạng số 28/CT-VKS ngày 21-4-2022 của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Nam Định truy tố Nguyễn Duy C, Phạm Thị Ph về tội “Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự” theo quy định tại khoản 2 Điều 201 của Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017 (BLHS).

Tại phiên toà, các bị cáo đã thành khẩn khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình và trình bày các bị cáo chỉ có số tiền vốn khoảng 400.000.000đồng sử dụng để quay vòng, những người vay thường phải trả khoản vay trước mới tiếp tục vay khoản sau, không phải các bị cáo có số tiền gốc 1.364.000đồng để cho vay, bị cáo C là người khởi xướng và chủ động thực hiện hoạt động cho vay, bị cáo Ph chỉ giúp ghi vào sổ, hiện bị cáo Ph sức khỏe yếu đang phải nuôi 03 con nhỏ, đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo và cho bị cáo Ph được cải tạo tại địa phương để có điều kiện chăm sóc cho gia đình.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Nam Định luận tội: Giữ nguyên nội dung cáo trạng và quyết định đã truy tố, sau khi phân tích đánh giá tính chất mức độ hành vi phạm tội, nhân thân các bị cáo, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 2 Điều 201, điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51, các Điều 17, 58 BLHS đối với các bị cáo, áp dụng thêm điểm h khoản 1 Điều 52 BLHS đối với bị cáo C, điểm i khoản 1 Điều 51, Điều 65 BLHS đối với bị cáo Ph, xử phạt bị cáo Nguyễn Duy C từ 15 tháng đến 18 tháng tù, bị cáo Phạm Thị Ph từ 12 tháng đến 15 tháng tù, nhưng cho hưởng án treo về tội “Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự”, đề nghị không áp dụng hình phạt bổ sung đối với các bị cáo, về trách nhiệm dân sự, đề nghị Hội đồng xét xử tuyên buộc các bị cáo phải có trách nhiệm trả lại số tiền lãi vượt quá mức lãi suất 20%/năm cho những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan. Đối với số tiền gốc dùng để cho vay và khoản tiền lãi tương ứng với mức lãi suất 20%/năm, đề nghị truy thu của các bị cáo sung quỹ nhà nước. Đối với số tiền gốc người vay chưa trả cho các bị cáo đề nghị tuyên buộc người vay có nghĩa vụ nộp vào ngân sách nhà nước. Về vật chứng:

Đối với 02 điện thoại di động đã thu giữ là phương tiện phạm tội và 01 pho tượng Phật là tài sản xuất phát từ tội phạm đề nghị tuyên tịch thu hoá giá sung quỹ nhà nước. Đối với số tiền 12.600.000 đồng và 01 máy tính xách tay không liên quan đến hành vi phạm tội của các bị cáo đề nghị tuyên trả lại cho các bị cáo, nhưng tạm giữ để bảo đảm thi hành án. Số vũ khí đã thu giữ không có giá trị sử dụng đề nghị tuyên tịch thu tiêu huỷ.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan C sát điều tra - Công an tỉnh Nam Định, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Nam Định, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự (BLTTHS). Quá trình điều tra và tại phiên tòa, các bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, có căn cứ xác định các hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện trong vụ án đều hợp pháp.

[2] Lời khai nhận tội của các bị cáo tại phiên tòa phù hợp với lời khai của các bị cáo tại cơ quan điều tra, lời khai của những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan, người làm chứng và các tài liệu chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án đã có đủ căn cứ kết luận: Khoảng từ năm 2018 đến năm 2021, tại thôn Tân Trung, xã Y, huyện Y, tỉnh Nam Định, Nguyễn Duy C và Phạm Thị Ph đã có hành vi thực hiện hoạt động cho vay lãi với mức lãi suất từ 3.000 đồng/1 triệu/ ngày (108%/năm) đến 5.000 đồng/1 triệu/ ngày (180%/năm) thu lợi bất chính số tiền 329.586.000 đồng. Hành vi đó của các bị cáo đã đủ yếu tố cấu thành tội “Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự”, tội danh và hình phạt được quy định tại khoản 2 Điều 201 BLHS. Nên, quan điểm truy tố và luận tội của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Nam Định là có căn cứ.

[3] Xét tính chất, mức độ hành vi phạm tội, vị trí vai trò, nhân thân và các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự của các bị cáo thấy rằng: Hành vi phạm tội của các bị cáo diễn ra tại thời điểm loại tội phạm và vi phạm pháp luật liên quan đến tín dụng đen có chiều hướng gia tăng, gây mất trật tự an ninh xã hội và gián tiếp gây ra rất nhiều loại tội phạm khác, nên xét thấy cần thiết phải tuyên mức hình phạt tương đối nghiêm khắc đối với các bị cáo mới đủ khả năng cải tạo giáo dục đối với các bị cáo và đáp ứng yêu cầu phòng ngừa loại tội phạm liên quan đến tín dụng đen trong giai đoạn hiện nay.

[4] Về vị trí vai trò của các bị cáo trong vụ án: Căn cứ lời khai của các bị cáo và tài liệu thu thập được thể hiện bị cáo C là người khởi xướng, chịu trách nhiệm chính trong việc cho vay, thu tiền lãi, nên giữ vai trò đầu trong vụ án, bị cáo Ph chịu trách nhiệm ghi sổ là đồng phạm giúp sức cho bị cáo C, nên giữ vị trí thứ hai trong vụ án.

[5] Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Bị cáo Nguyễn Duy C có 01 tiền án, chưa được xóa án nên phải chịu tình tiết tăng nặng “Tái phạm” quy định tại điểm h khoản 1 Điều 52 BLHS, bị cáo Phạm Thị Ph không phải chịu tình tiết tăng nặng nào.

[6] Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Trong quá trình điều tra, các bị cáo đã thành khẩn khai báo, nên được hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 BLHS. Trước khi xét xử các bị cáo tự nguyện nộp một phần tiền chiếm hưởng bất chính, nên được hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại khoản 2 Điều 51 BLHS. Bị cáo Phạm Thị Ph phạm tội lần đầu thuộc trường hợp ít nghiêm trọng, nên được hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm i khoản 1 Điều 51 BLHS.

[7] Căn cứ tính chất mức độ hành vi phạm tội, vị trí, vai trò, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ, nhân thân các bị cáo, xét thấy cần phải tuyên hình phạt tù giam đối với bị cáo C giữ vai trò đầu trong vụ án và có nhân thân xấu. Đối với bị cáo Ph có nhiều tình tiết giảm nhẹ, nhân thân tốt, chưa tiền án, tiền sự, có nơi cư trú rõ ràng, có chồng cùng là bị cáo trong vụ án đã bị tuyên hình phạt tù, đang phải nuôi 03 con nhỏ, nên cần chấp nhận đề nghị của bị cáo và quan điểm của vị đại diện viện kiểm sát tỉnh Nam Định, tuyên hình phạt tù nhưng cho bị cáo Ph được hưởng án treo để bị cáo có điều kiện chăm sóc cho gia đình, tránh áp lực an sinh cho xã hội, thể hiện bản chất nhân đạo, khoan hồng của pháp luật.

[8] Về hình phạt bổ sung: Theo bản án các bị cáo đã phải thực hiện nghĩa vụ dân sự tương đối lớn, nên không áp dụng hình phạt bổ sung đối với các bị cáo.

[9] Tình tiết có liên quan: Đối với hành vi cho cho anh Phạm Công V vay tiền với mức lãi suất 3.000 đồng/1 triệu/ngày, nhưng sau đó không lấy lãi và cho 22 cá nhân vay tiền với mức lãi suất không quá 2.000 đồng/1 triệu/ngày hoặc không lấy lãi, hành vi này không cấu thành tội phạm nên không xử lý hình sự.

[10] Đối với hành vi cho 51 cá nhân vay tiền với mức lãi suất 3.000 đồng/1 triệu/ngày đến 5.000 đồng/1 triệu/ ngày hoặc dưới 3.000 đồng/triệu/ngày có thu được một phần lãi hoặc không lấy lãi hoặc không nhớ thu được bao nhiêu lãi, do chưa lấy được lời khai của những người vay, nên chưa đủ căn cứ giải quyết, cơ quan điều tra tách ra để tiếp tục xác minh xử lý sau là phù hợp.

[11] Đối với hành vi Nguyễn Duy C cùng một số đối tượng đến nhà ông Phạm Ngọc C1 đòi nợ ngày 11-11-2021. Do quá trình đến nhà ông C1 nhóm của C không mang theo đồ vật gì và khi ra về cũng không làm hư hỏng hay mang đồ vật gì của nhà ông C1 về, không có căn cứ xác định C và các đối tượng có hành vi đe dọa ép buộc ông C1 trả nợ, nên không xử lý về hình sự là phù hợp.

[12] Đối với hành vi tàng trữ vũ khí không phải vũ khí quân dụng và các công cụ hỗ trợ của Nguyễn Duy C không cấu thành tội tàng trữ vũ khí quân dụng, cơ quan điều tra xử lý hành chính là phù hợp.

[13] Về trách nhiệm dân sự: Tài liệu điều tra xác định tổng số tiền các bị cáo chiếm hưởng bất chính là 329.586.000 đồng. Các bị cáo phải có trách nhiệm trả lại số tiền này cho những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan. Đối với số tiền gốc các bị cáo dùng để cho vay căn cứ lời trình bày của các bị cáo, đồng thời xem xét các khoản vay nợ của ông C1, tổng số tiền ông C1 đã vay là 980.000.000 đồng, sau khi trả khoản vay trước ông C1 mới tiếp tục vay khoản sau, nên xác định số tiền gốc C Ph đã sử dụng để cho ông C1 vay là khoản vay cao nhất với số tiền 350.000.000 đồng, như vậy tổng số tiền các bị cáo sử dụng để cho vay được xác định là 734.000.000 đồng, trong đó 03 người vay chưa trả cho các bị cáo tổng là 15.400.000 đồng, số còn lại 718.600.000 đồng xác định là phương tiện phạm tội và khoản tiền lãi 62.334.000 đồng tương ứng với mức lãi suất 20%/năm mặc dù không buộc các bị cáo phải chịu trách nhiệm về hình sự, nhưng xác định là khoản tiền xuất phát từ tội phạm, cần tuyên truy thu của các bị cáo để sung quỹ nhà nước. Đối với 15.400.000 tiền gốc hiện 03 người vay chưa trả cho các bị cáo, cần buộc những người vay đang quản lý số tiền này có nghĩa vụ nộp vào ngân sách nhà nước.

[14] Về vật chứng: Đối với 02 điện thoại di động thu giữ của C và Ph là phương tiện phạm tội và 01 pho tượng Phật Di Lặc bằng gỗ của ông C1 gán nợ cho C là tài sản xuất phát từ tội phạm mà có cần tuyên tịch thu hoá giá sung quỹ nhà nước.

[15] Đối với số tiền 12.600.000 đồng và 01 máy tính xách tay không liên quan đến hành vi phạm tội của các bị cáo, tuyên trả lại cho các bị cáo, nhưng tạm giữ để bảo đảm thi hành án.

[16] Số vũ khí và công cụ hỗ trợ đã thu giữ tại nhà C, Ph không có giá trị sử dụng, tuyên tịch thu tiêu huỷ.

[17] Về án phí: Các bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm và án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ vào khoản 2 Điều 201, điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51, các Điều 17, 58 BLHS đối với các bị cáo, căn cứ điểm h khoản 1 Điều 52 BLHS đối với riêng bị cáo Nguyễn Duy C, căn cứ điểm i khoản 1 Điều 51, Điều 65 BLHS đối với riêng bị cáo Phạm Thị Ph,

Tuyên bố: Các bị cáo Nguyễn Duy C và Phạm Thị Ph phạm tội “Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự”;

Xử phạt: Bị cáo Nguyễn Duy C 15 (Mười lăm) tháng tù, thời hạn tù của bị cáo tính từ ngày 02-01-2022;

Xử phạt: Bị cáo Phạm Thị Ph 12 (Mười hai) tháng tù, nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách 24 (Hai mươi bốn) tháng, tính từ ngày tuyên án sơ thẩm (bị cáo bị giam giữ từ ngày 02-01-2022 đến ngày 19-01-2022); Giao bị cáo Phạm Thị Ph cho Ủy ban nhân xã Y, huyện Y, tỉnh Nam Định giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách; Trường hợp bị cáo Phạm Thị Ph thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo qui định của pháp luật thi hành án Hình sự. Trong thời gian thử thách, nếu bị cáo cố ý vi phạm nghĩa vụ 02 lần trở lên, thì Tòa án có thể quyết định buộc bị cáo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

2. Miễn hình phạt bổ sung cho các bị cáo;

3. Trách nhiệm dân sự: Căn cứ Điều 47 BLHS, tuyên truy thu sung quỹ nhà nước số tiền gốc các bị cáo sử dụng để cho vay là 718.600.000 đồng (Bảy trăm mười tám triệu sáu trăm ngàn đồng) và khoản tiền lãi tương ứng với mức lãi suất 20%/năm là 62.334.000 đồng (Sáu mươi hai triệu ba trăm ba mươi tư ngàn đồng), tổng là 780.934.000 đồng (Bảy trăm tám mươi triệu chín trăm ba mươi tư ngàn đồng), mỗi bị cáo phải truy nộp 390.467.000 đồng (Ba trăm chín mươi triệu bốn trăm sáu mươi bảy ngàn đồng);

Buộc các bị cáo có trách nhiệm liên đới trả lại cho:

- Ông Phạm Ngọc C1 số tiền 122.766.000 đồng (Một trăm hai mươi hai triệu bảy trăm sáu mươi sáu ngàn đồng);

- Anh Phạm Văn Ph 2.666.000 đồng (Hai triệu sáu trăm sáu mươi sáu ngàn đồng);

- Anh Phạm Văn H 10.510.000 đồng (Mười triệu năm trăm mười ngàn đồng);

- Anh Lã anh L 46.185.000 đồng (Bốn mươi sáu triệu một trăm tám mươi lăm ngàn đồng);

- Chị Trương Thị D 1.860.000 đồng (Một triệu tám trăm sáu mươi ngàn đồng);

- Anh Đỗ Xuân D1 2.800.000 đồng (Hai triệu tám trăm ngàn đồng);

- Anh Nguyễn Văn Th 11.000.000 đồng (Mười một triệu đồng);

- Anh Đỗ Xuân Tr 17.333.000 đồng (Mười bảy triệu ba trăm ba mươi ba ngàn đồng);

- Anh Đinh Hữu Tr1 16.666.000 đồng (Mười sáu triệu sáu trăm sáu mươi sáu ngàn đồng);

- Anh Phạm Phú Th1 2.650.000 đồng (Hai triệu sáu trăm năm mươi ngàn đồng);

- Anh Phạm Mạnh D2 6.133.000 đồng (Sáu triệu một trăm ba mươi ba ngàn đồng);

- Anh Lã Đình C216.000.000 đồng (Mười sáu triệu đồng);

- Anh Phạm Đình T 1.665.000 đồng (Một triệu sáu trăm sáu mươi lăm ngàn đồng);

- Anh Lê Xuân H1 8.000.000 đồng (Tám triệu đồng);

- Anh Phạm Công Tr2 63.332.000 đồng (Sáu mươi ba triệu ba trăm ba mươi hai ngàn đồng);

(Đối với các nghĩa vụ trên, chia phần: Mỗi bị cáo chịu trách nhiệm trả 1/2)

Kể từ ngày người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án đối với các khoản tiền người phải thi hành án phải trả cho người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, hàng tháng người phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015,

Buộc những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan phải nộp vào ngân sách nhà nước khoản tiền còn nợ các bị cáo, cụ thể:

- Anh Nguyễn Văn Th 3.400.000 đồng (Ba triệu bốn trăm ngàn đồng);

- Anh Đỗ Xuân Tr 10.000.000 đồng (Mười triệu đồng);

- Anh Phạm Mạnh D2 2.000.000 đồng (Hai triệu đồng);

4. Xử lý vật chứng và các đồ vật đã thu giữ: Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 47 của BLHS; điểm a khoản 2 Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự,

Tịch thu hoá giá sung quỹ nhà nước: 01 điện thoại di động nhãn hiệu VIVO, vỏ lưng màu xanh thu giữ của C; 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone, vỏ lưng màu hồng thu giữ của Ph và 01 pho tượng Phật Di Lặc bằng gỗ, màu nâu vàng, dài khoảng 80cm, cao khoảng 40cm, rộng khoảng 30cm thu giữ tại nhà các bị cáo;

Tuyên trả cho các bị cáo số tiền 12.600.000 đồng (Mười hai triệu sáu trăm ngàn đồng) và 01 máy tính xách tay nhãn hiệu DELL, màu đen, đã qua sử dụng, không kiểm tra chất lượng bên trong, nhưng tạm giữ để bảo đảm thi hành án;

Tuyên tịch thu tiêu huỷ toàn bộ số vũ khí và công cụ hỗ trợ thu giữ tại nhà các bị cáo;

(Vật chứng đang được quản lý tại kho vật chứng của Cục thi hành án tỉnh Nam Định có đặc điểm như biên bản giao nhận vật chứng số 48/22 ngày 05-5-2022 và uỷ nhiệm chi số 12 ngày 16-5-2022 giữa Công an tỉnh Nam Định và Cục thi hành án dân sự tỉnh Nam Định).

Số tiền 20.000.000 đồng (Hai mươi triệu đồng) các bị cáo đã nộp tại biên lai thu tiền số 0004521 ngày 26-4-2022 được đối trừ vào nghĩa vụ phải thi hành án của các bị cáo, mỗi bị cáo được đối trừ 10.000.000 đồng (Mười triệu đồng).

5. Án phí: Căn cứ khoản 2 Điều 136 của BLTTHS, buộc mỗi bị cáo phải nộp 200.000 đồng (Hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm và 8.239.650 đồng (Tám triệu hai trăm ba mươi chín ngàn sáu trăm năm mươi đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

Các bị cáo có mặt được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan vắng mặt được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trong trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì các bị cáo có quyền tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

- Các bị cáo;
- Những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan;
- TAND+VKSND Cấp cao tại Hà Nội;
- Công an tỉnh Nam Định;
- VKSND tỉnh Nam Định;
- Trại Tạm giam - Công an tỉnh ND;
- Cục THADS tỉnh Nam Định;
- Lưu hồ sơ vụ án + VT.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(đã ký)
Nguyễn Thị Bạch Tuyết

